



30-58

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000002	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	01	30	6,3		Mb	Chấn
2	000003	0901010897	Ngô Thị Lan	Anh	27/12/2003	NH9A	01	31	7,6		Anh	Lê
3	000004	0901070787	Đỗ Ngọc	Ánh	07/04/2003	NH9A	01	32	7,0		Ánh	chấn
4	000005	0901010358	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	11/12/2003	NH9A	01	33	4,0		Ánh	Lê
5	000006	0901010347	Dương Gia	Bảo	11/11/2003	NH9A	01	34	4,4		B	chấn
6	000007	0901010423	Đỗ Linh	Chi	31/10/2003	NH9A	01	35	4,0		Chi	Lê
7	000008	0901010846	Dương Tuấn	Đạt	08/08/2003	NH9A	01					HP,ĐK
8	000009	0901010123	Ngô Thành	Đạt	18/11/2003	NH9A	01	36	1,7	01	Syk	Lê
9	000010	0901010372	Ma Văn	Đức	24/07/2003	NH9A	01	37	3,1		Đức	Chấn
10	000011	0901010915	Tạ Thị Thùy	Dung	21/12/2003	NH9A	01	38	5,3	01	Dung	Lê
11	000012	0901010203	Trần Ngọc	Dung	19/08/2003	NH9A	01	39	2,6	01	Dung	chấn
12	000013	0901010312	Bùi Trung	Dũng	19/12/2003	NH9A	01	40	6,8	01	Dũng	Lê
13	000014	0901020104	Nông Thái	Dương	11/11/2003	NH9A	01	41	4,2	01	Dương	chấn
14	000015	0901010127	Cao Lâm	Duy	02/03/2000	NH9A	01	42	3,8	01	Duy	Lê
15	000016	0901010493	Hoàng Thị	Duyên	26/11/2003	NH9A	01	43	4,9	01	Duyên	Chấn
16	000017	0901010647	Lê Trường	Giang	25/08/2002	NH9A	01	44	4,5	01	Giang	Lê
17	000018	0901010390	Nguyễn Minh	Hạnh	04/11/2003	NH9A	01	45	3,7	01	Hạnh	chấn
18	000019	0901010937	Khuong Minh	Hiền	29/11/2003	NH9A	01	46	4,8	01	Hiền	Lê
19	000020	0901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	01	47	0,9	01	Hiền	chấn
20	000021	0901010882	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/08/2003	NH9A	01	48	2,4	01	Hiền	Lê
21	000022	0901010169	Nguyễn Đức	Hiếu	09/07/2003	NH9A	01	49	5,9	01	Hiếu	chấn
22	000023	0901020748	Vũ Thị	Hòa	05/04/2003	NH9A	01	50	5,0	01	Hòa	Lê
23	000024	0901010903	Nguyễn Việt	Hoàng	29/10/2003	NH9A	01	51	5,7	01	Hoàng	chấn
24	000025	0901010504	Phạm Lê Huy	Hoàng	18/06/2003	NH9A	01	52	5,2	01	Hoàng	Lê
25	000026	0901010840	Nguyễn Thái	Học	09/01/2003	NH9A	01					ĐK
26	000027	0901010725	Phạm Thị Thu	Huế	05/01/2003	NH9A	01	53	8,1	01	Huế	Lê
27	000028	0901010611	Bùi Quốc	Huy	19/11/2003	NH9A	01	54	2,3	01	Huy	chấn
28	000029	0901010147	Đoàn Thị	Huyền	18/07/1998	NH9A	01	55	7,5	01	Huyền	Lê
29	000030	0901010261	Nguyễn Năng	Khoa	16/03/2003	NH9A	01	56	3,9	01	Khoa	Chấn
30	000031	0901010913	Trương Thị	Lệ	06/11/2003	NH9A	01					HP,ĐK
31	000032	0901010314	Nguyễn Khánh	Linh	06/12/2003	NH9A	01	57	4,2	01	Linh	chấn
32	000033	0901010878	Đinh Hoàng	Long	09/10/2003	NH9A	01	58	2,2	01	Long	Lê

Tổng số sinh viên dự thi: ...29..

Tổng số tờ giấy thi: ...29..

Tổng số biên bản:

Ngày 25 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngô T. Hải

Phạm T. Hoàng



291-321

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	0901030428	Âu Duy	Minh	18/06/2003	NH9A	01	291	5.0	01	Minh	Chấn
2	000035	0901010134	Tổng Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	01	292	0.9	01	Minh	le
3	000036	0901010047	Trần Phú	Minh	18/05/2003	NH9A	01	293	6.5	01	Minh	Chấn
4	000037	0901010833	Đỗ Thị	Ngọc	09/09/2003	NH9A	01	294	9.0	1	Ngọc	le
5	000038	0901010909	Phạm Văn	Nhật	27/03/2003	NH9A	01	295	4.6	01	Phạm Văn	Chấn
6	000039	0901010767	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	28/12/2003	NH9A	01	296	3.0	01	Nhi	le
7	000040	0901010583	Nguyễn Thế	Phú	04/08/2003	NH9A	01	297	6.3	01	Phú	Chấn
8	000041	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH9A	01	298	0.9	01	Phúc	le
9	000042	0901010515	Lê Minh	Quân	19/12/2003	NH9A	01	299	5.2	01	Lê Minh	Chấn
10	000043	0901010640	Nguyễn Như	Quỳnh	20/10/2003	NH9A	01	300	2.7	01	Quỳnh	le
11	000044	0901010227	Nguyễn Hồng	Son	01/09/2003	NH9A	01	301	6.4	01	Son	Chấn
12	000045	0901010398	Vũ Hồng	Son	01/07/2003	NH9A	01	302	2.4	01	Son	le
13	000046	0901070972	Nguyễn Hồng	Thái	06/10/2003	NH9A	01	303	6.0	01	Thái	Chấn
14	000047	0901010149	Vũ Duy	Thái	11/08/2003	NH9A	01	304	2.2	1	Thái	le
15	000048	0901010165	Ngô Phương	Thảo	30/12/2003	NH9A	01	305	4.6	1	Thảo	Chấn
16	000049	0901010264	Hoàng Đức	Thiên	08/01/1998	NH9A	01	306	2.7	1	Thiên	le
17	000050	0901010653	Đỗ Thị Hoài	Thương	07/01/2003	NH9A	01	307	2.4	01	Thương	Chấn
18	000051	0901010188	Ngô Thùy	Trang	26/12/2003	NH9A	01	308	4.3	01	Trang	le
19	000052	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH9A	01	309	1.2	01	Trí	HP Chấn
20	000053	0901030037	Nguyễn Thanh	Tuyền	12/08/2003	NH9A	01	310	2.5	01	Tuyền	le
21	000054	0901010717	Quảng Văn	Ước	15/10/2003	NH9A	01	311	1.9	1	Ước	Chấn
22	000055	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	01	312	1.6	1	Vân	le
23	000056	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	01	313	5.5	01	Việt	Chấn
24	000057	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH9A	01					Vũ
25	000058	0901010536	Bàn Thị	Vững	17/10/2003	NH9A	01	314	1.5	01	Vững	Chấn
26	000059	0901010802	Lý Thị	Xuân	22/02/2003	NH9A	01	315	1.6	01	Xuân	le
27	000060	0901010406	Đào Minh	Anh	24/07/2003	TC9A	02	316	3.6	01	Anh	Chấn
28	000061	0901010533	Nguyễn Lan	Anh	01/06/2003	TC9A	02	317	9.5	01	Anh	le
29	000062	0901010883	Phạm Thị Kim	Anh	06/01/2003	TC9A	02	318	3.1	01	Anh	Chấn
30	000063	0901010490	Trần Thị Mai	Anh	06/06/2003	TC9A	02	319	8.6	01	Anh	le
31	000064	0901010409	Nguyễn Minh	Ánh	09/07/2003	TC9A	02	320	8.7	01	Anh	Chấn
32	000065	0901010495	Vũ Việt	Bình	10/03/2003	TC9A	02	321	6.0	01	Bình	le

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 23 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngô T. Kim Dung

Hoàng T. Mậu



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000066	0901010130	Nguyễn Quỳnh	Chi	28/08/2003	TC9A	02	117	2,1	01	Chi	chấn
2	000067	0901010669	Đỗ Thị Thùy	Dung	26/08/2003	TC9A	02	118	4,9	01	Thùy	lẻ
3	000068	0901030405	Đào Lâm	Dũng	15/02/2003	TC9A	02	119	2,7	01	Dũng	chấn
4	000069	0901010365	Đỗ Văn	Duy	11/05/2003	TC9A	02	120	4,7	01	Duy	lẻ
5	000070	0901020399	Đàm Thu	Hà	16/09/2003	TC9A	02	121	4,4	01	Thu	chấn
6	000071	0901010219	Vương Thị	Hằng	28/01/2003	TC9A	02	122	6,5	01	Hằng	lẻ
7	000072	0901010211	Bùi Ngọc	Hiếu	17/10/2003	TC9A	02	123	1,6	01	Hiếu	lẻ chấn
8	000073	0901010988	Nguyễn Đức	Hiếu	28/05/2002	TC9A	02					HP,ĐK
9	000074	0901010544	Đặng Quỳnh	Hoa	08/10/2003	TC9A	02	124	0,6	01	Hoa	chấn
10	000075	0901070404	Thân Mạnh	Hùng	17/06/2003	TC9A	02	125	1,1	01	Hùng	lẻ
11	000076	0901010777	Hà Vũ	Hung	13/01/2003	TC9A	02	126	2,6	01	Hà	chấn
12	000077	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	02	127	4,0	01	Hương	lẻ
13	000078	0901010062	Nguyễn Trần Trung	Kiên	25/03/2003	TC9A	02	128	6,5	01	Kiên	chấn
14	000079	0901010420	Lê Tùng	Lâm	14/10/2003	TC9A	02	129	8,9	01	Lâm	lẻ
15	000080	0901060039	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2003	TC9A	02	130	4,2	01	Linh	chấn
16	000081	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	02	131	3,0	01	Mai	lẻ
17	000082	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	02	132	3,6	01	Minh	chấn
18	000083	0901010506	Nguyễn Trà	My	25/12/2003	TC9A	02	133	6,0	01	My	lẻ
19	000084	0901010183	Nguyễn Thị Phương	Nga	30/10/2003	TC9A	02	134	2,6	01	Nga	chấn
20	000085	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	02	135	2,6	01	Ngọc	lẻ
21	000086	0901010008	Lâm Bích	Ngọc	30/04/2003	TC9A	02	136	2,4	01	Ngọc	chấn
22	000087	0901010507	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/09/2003	TC9A	02	137	3,6	01	Nguyệt	lẻ
23	000088	0901010789	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/2003	TC9A	02	138	5,7	01	Phượng	chấn
24	000089	0901010402	Phạm Hồng	Phượng	13/06/2003	TC9A	02	139	2,2	01	Phạm	lẻ
25	000090	0901030133	Vũ Ngọc Phi	Sơn	19/08/2003	TC9A	02	140	4,4	01	Sơn	chấn
26	000091	0901010803	Phạm Thanh	Tâm	15/07/2003	TC9A	02	141	4,1	01	Tâm	lẻ
27	000092	0901010055	Lê Hoàng	Thái	25/07/2003	TC9A	02	142	4,1	01	Thái	chấn
28	000093	0901010153	Đỗ Phương	Thào	08/04/2003	TC9A	02	143	4,4	01	Thào	lẻ
29	000094	0901010278	Trần Phương	Thào	24/09/2003	TC9A	02	144	0,9	01	Thào	chấn
30	000095	0901010745	Tông Văn	Thuận	15/08/2003	TC9A	02	145	2,2	01	Thuận	lẻ
31	000096	0901010129	Ma Trịnh Hương	Trà	26/10/2003	TC9A	02	146	1,4	01	Trà	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 23 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Ngọc Lan

Đặng Hoài Nương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000097	0901010546	Bùi Thị Huyền	Trang	21/05/2003	TC9A	02	147	4,8	01	Trang	le
2	000098	0901010592	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/02/2003	TC9A	02	148	2,1	01	Trúc	chấn
3	000099	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	02	149	1,4	01	Trúc	le
4	000100	0901010328	Ngô Sinh	Vượng	28/08/2003	TC9A	02	150	3,0	01	Vượng	chấn
5	000101	0901010128	Vũ Mai	Vy	05/11/2003	TC9A	02	151	1,4	01	Vy	le
6	000102	0901010498	Trần Thị Hải	Yến	09/10/2003	TC9A	02	152	6,4	01	Yến	chấn
7	000103	0901010425	Phạm Nguyễn Mai	Anh	03/10/2003	TC9B	03	153	5,1	01	Maib	le
8	000104	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	03	154	2,3	1	Anh	chấn
9	000105	0901010584	Nguyễn Thị Linh	Bình	26/10/2003	TC9B	03	155	7,4	01	Bình	le
10	000106	0901020744	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	02/03/2003	TC9B	03	156	3,2	1	Diễm	chấn
11	000107	0901010875	Đàm Phương	Dung	14/08/2003	TC9B	03	157	6,6	1	Dung	le
12	000108	0901010413	Nguyễn Thùy	Dung	15/12/2003	TC9B	03	158	6,3	1	Dung	chấn
13	000109	0901010158	Nguyễn Hùng	Dũng	09/11/2003	TC9B	03	159	3,6	1	Dũng	le
14	000110	0901010678	Trần Quý	Dương	05/09/2003	TC9B	03	160	1,8	1	Dương	chấn
15	000111	0901010868	Đàm Hương	Giang	29/03/2003	TC9B	03	161	8,8	1	giang	le
16	000112	0901010246	Hoàng Thái	Hà	27/10/2003	TC9B	03	162	0,8	1	Hà	chấn
17	000113	0901010686	Đào Thị Thanh	Hiền	07/10/2003	TC9B	03	163	mười	1	Hiền	le
18	000114	0901010237	Nguyễn Huy	Hiệu	15/09/2003	TC9B	03	164	0,8	1	Hiệu	chấn
19	000115	0901010673	Đỗ Thị Thu	Hòa	24/05/2003	TC9B	03	165	4,3	1	Hòa	le
20	000116	0901010284	Đương Thu	Hương	12/08/2003	TC9B	03					vắng
21	000117	0901010698	Nguyễn Thu	Hương	28/08/2003	TC9B	03	166	3,9	1	Hương	le
22	000118	0901010950	Lê Thuý	Hường	11/08/2003	TC9B	03	167	5,1	4	Hường	chấn
23	000119	0901010770	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/09/2003	TC9B	03	168	9,5	1	Huyền	le
24	000120	0901040571	Vũ Mai	Lan	03/11/2003	TC9B	03	169	5,3	1	Lan	chấn
25	000121	0901010465	Quách Gia	Lân	23/11/2003	TC9B	03	170	2,2	1	Lân	le
26	000122	0901020148	Nguyễn Đức	Lương	04/08/2003	TC9B	03	171	1,1	1	Lương	chấn
27	000123	0901010603	Đỗ Thị Phương	Nga	11/11/2003	TC9B	03	172	3,6	01	Phươg	le
28	000124	0901010267	Trần Bích	Ngọc	06/09/2003	TC9B	03	173	2,3	01	Ngọc	chấn
29	000125	0901010784	Tạ Thị Yến	Nhi	04/12/2003	TC9B	03	174	mười	01	Nhi	le
30	000126	0901010914	Nguyễn Hồng	Nhung	17/04/2003	TC9B	03	175	3,7	01	Nhung	chấn
31	000127	0901010452	Vũ Thị Diễm	Quỳnh	25/10/2003	TC9B	03					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 29.....

Tổng số tờ giấy thi: 29.....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 23.. tháng 12.. Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải Hương

Trần Thị Thanh Vân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000128	0901010700	Lương Thị Thanh	Tâm	08/08/2003	TC9B	03	88	5,7	1	Tâm	chẵn
2	000129	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	03	89	0,5	1	Thái	lẻ
3	000130	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	03	90	2,1	1	Thành	chẵn
4	000131	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	03	91	1,1	1	Thảo	lẻ
5	000132	0901020101	Nguyễn Phương	Thảo	13/09/2003	TC9B	03	92	3,5	1	Thảo	chẵn
6	000133	0901070408	Trịnh Anh	Thư	22/08/2003	TC9B	03	93	1,3	1	Thư	lẻ
7	000134	0901010605	Lê Hà	Thương	21/05/2003	TC9B	03	94	3,1	1	Thương	chẵn
8	000135	0901010706	Quách Thị	Tuyết	02/10/2003	TC9B	03	95	1,5	1	Tuyết	lẻ
9	000136	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	TC9B	03	96	3,4	1	Vân	chẵn (34)
10	000137	0901020025	Bùi Minh	Anh	27/04/2003	QT9A	04	97	1,1	1	Anh	lẻ
11	000138	0901030941	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/2003	QT9A	04	98	4,9	1	Anh	chẵn
12	000139	0901030491	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	03/07/2003	QT9A	04	99	5,3	1	Anh	lẻ
13	000140	0901030064	Nguyễn Thanh	Bình	10/04/2003	QT9A	04	100	2,1	1	Bình	chẵn
14	000141	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	04	101	1,7	1	Đạt	lẻ
15	000142	0901020923	Đỗ Thị Thùy	Dương	31/10/2003	QT9A	04					HP,ĐK
16	000143	0901030185	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/08/2003	QT9A	04	102	5,0	1	Dương	lẻ
17	000144	0901030254	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	27/11/2002	QT9A	04	103	3,4	1	Duyên	chẵn
18	000145	0901030058	Phạm Thị Hồng	Hạnh	02/07/2003	QT9A	04	104	5,6	1	Hạnh	lẻ
19	000146	0901030362	Nguyễn Thị	Hiền	26/06/2003	QT9A	04	105	1,1	1	Hiền	chẵn
20	000147	0901030894	Vũ Đức	Hiếu	14/01/2003	QT9A	04	106	4,3	1	Hiếu	lẻ
21	000148	0901030715	Đào Quốc	Hiệu	01/10/2003	QT9A	04	107	1,2	1	Hiệu	chẵn
22	000149	0901030756	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QT9A	04					HP,ĐK
23	000150	0901030477	Nguyễn Duy	Hưng	24/12/2003	QT9A	04	108	1,4	1	Hưng	chẵn
24	000151	0901030631	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	27/04/2003	QT9A	04	109	5,7	1	Khiêm	lẻ
25	000152	0901030695	Phạm Trung	Kiên	08/08/2003	QT9A	04	110	1,9	1	Kiên	chẵn
26	000153	0901030154	Phạm Quốc	Lập	15/01/2003	QT9A	04	111	3,9	1	Lập	lẻ
27	000154	0901030435	Đỗ Thị Khánh	Linh	15/11/2003	QT9A	04	112	2,9	1	Linh	chẵn
28	000155	0901030753	Nguyễn Mai Thùy	Linh	17/11/2003	QT9A	04	113	1,3	1	Thùy	lẻ
29	000156	0901030022	Phạm Thị Khánh	Ly	21/01/2003	QT9A	04	114	1,1	1	Ly	chẵn
30	000157	0901010113	Lưu Bá	Nghĩa	29/10/2003	QT9A	04	115	1,3	1	Nghĩa	lẻ
31	000158	0901030524	Lê Thị Hồng	Ngọc	02/10/2003	QT9A	04	116	2,9	1	Ngọc	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 29...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 23 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Loan

Nguyễn Văn Chương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000159	0901030752	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	22/01/2003	QT9A	04	203	0,9	1	Nguyệt	lẻ
2	000160	0901030656	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/08/2003	QT9A	04	204	3,7	1	Nhung	chẵn
3	000161	0901030924	Dương Thị	Nhung	03/04/2003	QT9A	04	205	5,8	1	Nhung	lẻ
4	000162	0901020418	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/2003	QT9A	04	206	1,9	1	Hồng	chẵn
5	000163	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	04	207	1,2	1	Oanh	lẻ
6	000164	0901020652	Phạm Thị	Phương	05/07/2003	QT9A	04	208	2,7	1	Phương	chẵn
7	000165	0901030662	Đặng Anh	Quân	01/10/2003	QT9A	04	209	2,0	1	Quân	lẻ
8	000166	0901030266	Vũ Tuyết	Quỳnh	07/01/2003	QT9A	04	210	2,4	1	Quỳnh	chẵn
9	000167	0901030466	Trần Ngọc	Thắng	02/10/2003	QT9A	04	211	6,7	1	Thắng	lẻ
10	000168	0901030518	Đỗ Văn	Thanh	29/03/2003	QT9A	04	212	4,9	1	Thanh	chẵn
11	000169	0901030285	Trương Tuấn	Thành	18/12/2003	QT9A	04					ĐK
12	000170	0901030829	Dương Minh	Tiến	02/01/2003	QT9A	04	213	5,2	1	Tiến	chẵn
13	000171	0901030535	Hoàng Hương	Trang	10/11/2003	QT9A	04	214	1,7	1	Trang	lẻ
14	000172	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	04	215	0,9	1	Trang	chẵn
15	000173	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	04	216	2,2	1	Vy	lẻ (2,2)
16	000174	0901030089	Đặng Thị Quỳnh	Anh	06/10/2003	QT9B	05	217	2,3	1	Anh	chẵn
17	000175	0901010849	Phùng Thị Phương	Anh	03/09/2003	QT9B	05	218	1,2	1	Anh	lẻ
18	000176	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B	05	219	1,2	1	Anh	chẵn
19	000177	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	05	220	2,5	1	Cường	lẻ
20	000178	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	05	221	0,6	1	Đại	chẵn
21	000179	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	05	222	2,5	1	Diệp	lẻ
22	000180	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	05	223	3,7	1	Đức	chẵn
23	000181	0901030270	Đoàn Hữu	Dương	24/04/2003	QT9B	05	224	0,6	1	Hữu	lẻ
24	000182	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	05	225	0,9	1	Hằng	chẵn
25	000183	0901030430	Hoàng Đình	Hào	07/05/2003	QT9B	05	226	3,2	1	Hào	lẻ
26	000184	0901030417	Nguyễn Thị	Hiền	28/03/2003	QT9B	05	227	3,2	1	Hiền	chẵn
27	000185	0901030712	Nguyễn Thúy	Hiền	16/03/2003	QT9B	05					HP, ĐK
28	000186	0901030132	Nguyễn Thị	Hoa	09/02/2003	QT9B	05	228	3,7	1	Hoa	chẵn
29	000187	0901030336	Nguyễn Huy	Hoàng	20/10/2003	QT9B	05	229	2,4	1	Huỳnh	lẻ
30	000188	0901030530	Phan Trọng	Hùng	01/03/2003	QT9B	05	230	2,4	1	Hùng	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....28

Tổng số tờ giấy thi:.....28

Tổng số biên bản:.....6

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu Hằng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000189	0901030895	Đỗ Thị	Huệ	23/01/2003	QT9B	05	261	1,9	1	Huệ	le'
2	000190	0901030586	Nguyễn Duy	Hưng	27/01/2003	QT9B	05	262	1,7	1	Hưng	chấn
3	000191	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	05	263	1,5	1	Huỳnh	le
4	000192	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	05	264	2,0	1	Huy	chấn
5	000193	0901030665	Lê Thị	Huyền	10/01/2003	QT9B	05	265	3,8	1	Huỳnh	le'
6	000194	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	05	266	1,4	1	Kiệt	chấn
7	000195	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	05	267	1,9	1	Lan	le'
8	000196	0901030131	Đỗ Thị	Linh	15/09/2003	QT9B	05	268	3,7	1	Linh	chấn
9	000197	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	05	269	3,0	1	Linh	le'
10	000198	0901030067	Đỗ Thị Thùy	Linh	14/12/2003	QT9B	05	270	2,7	1	Linh	chấn
11	000199	0901030247	Nguyễn Văn	Linh	17/08/2003	QT9B	05	271	3,3	1	Linh	le'
12	000200	0901030471	Đỗ Thị	Lương	15/11/2003	QT9B	05	272	4,0	1	Lương	chấn
13	000201	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B	05	273	3,6	1	Mạnh	le'
14	000202	0901030681	Trịnh Kim	Ngân	12/09/2003	QT9B	05	274	6,0	1	Ngân	chấn
15	000203	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	05	275	4,2	1	Hà	le'
16	000204	0901030579	Vũ Hoàng	Ngọc	27/12/2003	QT9B	05	276	4,5	1	Phạm	chấn
17	000205	0901030916	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/12/2003	QT9B	05	277	2,2	1	Nhung	le'
18	000206	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	05	278	3,6	1	Phạm	chấn
19	000207	0901030722	Trịnh Thị Thu	Phương	10/02/2003	QT9B	05	279	8,1	1	Phạm	le'
20	000208	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	05	280	2,8	1	Quân	chấn
21	000209	0901030028	Trần Minh	Quân	20/08/2003	QT9B	05	281	4,8	1	Quân	le'
22	000210	0901030323	Đỗ Đức	Tài	21/04/2003	QT9B	05	282	2,5	1	Tài	chấn
23	000211	0901030961	Đỗ Ngọc	Thạch	22/04/1999	QT9B	05	283	5,3	1	Thạch	le'
24	000212	0901030385	Nguyễn Đức	Thành	12/01/2003	QT9B	05	284	2,2	1	Thành	chấn
25	000213	0901030212	Trương Viết	Thành	13/09/2002	QT9B	05	285	3,2	1	Thành	le'
26	000214	0901030275	Bùi Thị Hương	Thom	10/02/2003	QT9B	05	286	5,2	2	Thom	chấn
27	000215	0901030059	Trần Huy	Thuận	27/11/2003	QT9B	05	287	2,4	1	Huỳnh	le'
28	000216	0901020159	Dương Thị Thanh	Thủy	17/04/2003	QT9B	05					HP,ĐK
29	000217	0901030737	Ngô Phương Kiều	Trang	23/06/2003	QT9B	05	288	4,3	1	Trang	le'
30	000218	0901030085	Ngô Thu	Trang	09/12/2003	QT9B	05	289	1,6	1	Trang	chấn
31	000219	0901030479	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/05/2003	QT9B	05	290	2,4	01	Trang	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 31...

Tổng số biên bản: 1...

Ngày 23 tháng 11 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kim
Lê Thị Hằng

QT
Đỗ Thị Huyền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000220	0901030666	Nguyễn Thu	Trang	26/10/2003	QT9B	05	1	2,0	01	chấn	
2	000221	0901070754	Phạm Thị Huyền	Trang	15/04/2003	QT9B	05	2	1,7	01	le	
3	000222	0901030197	Lưu Quang	Trung	14/09/2001	QT9B	05					HP,ĐK
4	000223	0901030103	Quách Huy	Trường	01/01/2002	QT9B	05	3	2,5	01	le	
5	000224	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	05	4	0,6	01	chấn	
6	000225	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	05	5	3,4	01	le	
7	000226	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B	05	6	1,2	01	chấn	
8	000227	0901030711	Trịnh Thị Như	Ý	03/08/2003	QT9B	05	7	4,9	01	le	
9	000228	0901020947	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/02/2003	QT9C	06	8	5,6	01	chấn	
10	000229	0901030416	Nguyễn Nguyệt	Ánh	03/08/2000	QT9C	06	9	8,0	01	le	
11	000230	0901030590	Nguyễn Bá	Đạt	09/07/2003	QT9C	06	10	3,4	01	chấn	
12	000231	0901030881	Nguyễn Bình	Định	17/10/2003	QT9C	06					ĐK
13	000232	0901030013	Lê Ánh	Dương	04/06/2003	QT9C	06	11	7,3	01	chấn	
14	000233	0901030200	Mai Thu	Giang	24/12/2003	QT9C	06	12	3,2	01	le	
15	000234	0901030823	Bùi Thị	Hào	15/08/2003	QT9C	06	13	5,9	01	chấn	
16	000235	0901030635	Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2003	QT9C	06	14	2,6	01	le	
17	000236	0901030253	Phạm Khánh	Hòa	02/09/2003	QT9C	06	15	4,1	01	chấn	
18	000237	0901030866	Bùi Minh	Hoàng	26/11/2003	QT9C	06	16	6,1	01	le	
19	000238	0901030843	Đỗ Quốc	Hội	18/04/2003	QT9C	06	17	6,0	01	chấn	
20	000239	0901030944	Nhữ Mạnh	Hùng	01/08/2003	QT9C	06	18	mười	01	le	
21	000240	0901030522	Trần Minh	Hùng	26/11/2003	QT9C	06	19	5,1	01	chấn	
22	000241	0901030181	Lê Tuấn	Hùng	17/05/2003	QT9C	06	20	5,0	01	le	
23	000242	0901030280	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/2003	QT9C	06	21	4,1	01	chấn	
24	000243	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C	06	22	3,0	01	le	
25	000244	0901030018	Phạm Duy	Kiên	06/02/2003	QT9C	06	23	4,1	01	chấn	
26	000245	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	06	24	2,7	01	le	
27	000246	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	QT9C	06	25	4,4	02	chấn	
28	000247	0901070809	Lê Thành	Long	04/08/2003	QT9C	06	26	3,3	01	le	
29	000248	0901010032	Nguyễn Hiền	Lương	13/01/2003	QT9C	06	27	2,2	01	chấn	
30	000249	0901030797	Vũ Bình	Minh	19/11/2003	QT9C	06	28	2,9	01	le	
31	000250	0901030464	Hoàng Hồng	Ngọc	07/08/2003	QT9C	06	29	6,4	01	chấn	

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 30...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày ... 22 tháng ... 12 Năm ... 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

CAH

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Nguyễn T Ngọc Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000251	0901030629	Trần Thị Minh	Ngọc	10/08/2003	QT9C	06	231	7,9	01	Ngọc	Đề lẻ
2	000252	0901030400	Vũ Văn	Ngọc	03/11/2003	QT9C	06					ĐK
3	000253	0901030377	Đỗ Thị	Nhân	08/12/2003	QT9C	06	232	5,7	01	Nhân	Đề lẻ
4	000254	0901030973	Chu Diệu	Như	11/09/2003	QT9C	06	233	5,7	01	Như	Đề lẻ
5	000255	0901030887	Ngô Thị Kim	Nhung	01/09/2003	QT9C	06	234	5,0	01	Nhung	Đề lẻ
6	000256	0901030600	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/2003	QT9C	06	235	3,7	01	Phương	Đề lẻ
7	000257	0901030217	Nguyễn Quế	Sinh	20/12/2003	QT9C	06	236	4,9	01	Sinh	Đề lẻ
8	000258	0901030092	Đào Văn	Tâm	21/06/2002	QT9C	06	237	1,6	01	Đào Văn	Đề lẻ
9	000259	0901030286	Nguyễn Huy	Thành	04/12/2003	QT9C	06	238	4,7	01	Thành	Đề lẻ
10	000260	0901030795	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2003	QT9C	06	239	2,7	01	Thảo	Đề lẻ
11	000261	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	06	240	3,2	01	Thảo	Đề lẻ
12	000262	0901030295	Phạm Bùi Minh	Thuận	25/02/2003	QT9C	06	241	3,0	01	Thuận	Đề lẻ
13	000263	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	06	242	7,3	01	Trà	Đề lẻ
14	000264	0901030208	Nguyễn Văn	Trang	24/04/2003	QT9C	06	243	5,5	01	Trang	Đề lẻ
15	000265	0901030508	Trần Thanh Thanh	Trúc	22/12/2003	QT9C	06	244	7,7	01	Trúc	Đề lẻ
16	000266	0901030781	Mai	Tùng	29/08/2003	QT9C	06	245	2,6	01	Mai	Đề lẻ
17	000267	0901030009	Lại Đăng	Uyển	09/10/2003	QT9C	06	246	1,6	01	Uyển	Đề lẻ
18	000268	0901030322	Đào Phương	Anh	17/02/2003	QM9A	07	247	1,9	01	Anh	Đề lẻ
19	000269	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM9A	07	248	1,9	01	Anh	Đề lẻ
20	000270	0901030048	Lê Hoàng	Anh	15/06/2003	QM9A	07	249	3,3	01	Anh	Đề lẻ
21	000271	0901030871	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/09/2003	QM9A	07	250	2,8	01	Anh	Đề lẻ
22	000272	0901030282	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/2003	QM9A	07	251	0,6	01	Anh	Đề lẻ
23	000273	0901030896	Trần Ngọc	Anh	18/11/2003	QM9A	07	252	2,3	01	Anh	Đề lẻ
24	000274	0901030098	Dương Việt	Bách	01/09/2003	QM9A	07	253	2,6	01	Bách	Đề lẻ
25	000275	0901030436	Phạm Minh	Châu	28/11/2003	QM9A	07	254	2,9	01	Châu	Đề lẻ
26	000276	0901030470	Nguyễn Thủy	Dung	03/12/2003	QM9A	07	255	3,2	01	Dung	Đề lẻ
27	000277	0901030704	Nguyễn Thị	Dương	01/06/2003	QM9A	07	256	2,1	01	Dương	Đề lẻ
28	000278	0901030475	Nguyễn Ngọc	Duyên	19/11/2003	QM9A	07	257	3,0	01	Duyên	Đề lẻ
29	000279	0901030410	Lê Mạnh	Hào	15/09/2003	QM9A	07	258	2,6	01	Hào	Đề lẻ
30	000280	0901030682	Đặng Văn	Hiệp	21/06/2003	QM9A	07	259	2,0	01	Hiệp	Đề lẻ
31	000281	0901030683	Đoàn Thị Kim	Huệ	17/05/2003	QM9A	07	260	8,8	01	Huệ	Đề lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 30...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Ngọc Loan

Trần Thị Kim Đan

Vũ Ngọc Loan Trần Thị Kim Đan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000282	0901030765	Đinh Trọng	Khang	08/10/2003	QM9A	07	59	4,7	01	Khang	Chấm
2	000283	0901030220	Lê Thúy	Kiều	22/05/2003	QM9A	07	60	0,9	01	Kiều	le
3	000284	0901030537	Nguyễn Hoài	Lam	09/06/2003	QM9A	07	61	1,6	01	Lam	le
4	000285	0901040602	Trịnh Nguyễn Thanh	Lâm	28/07/2003	QM9A	07	62	1,4	1	Lâm	le
5	000286	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	07	63	2,4	1	Linh	chấm
6	000287	0901030702	Tạ Hương	Ly	07/07/2003	QM9A	07	64	7,5	1	Ly	le
7	000288	0901030447	Nguyễn Đức	Mạnh	04/01/2003	QM9A	07	65	3,3	1	Mạnh	chấm
8	000289	0901030054	Đậu Trà	Mi	17/11/2003	QM9A	07	66	3,6	1	Trà	le
9	000290	0901030107	Nguyễn Thị Bích	Nga	14/09/2003	QM9A	07	67	2,6	1	Nga	chấm
10	000291	0901030538	Bùi Thu	Ngọc	10/09/2003	QM9A	07	68	5,1	1	Ngọc	le
11	000292	0901030888	Nguyễn Sinh	Ngọc	05/11/2003	QM9A	07	69	3,7	1	Ngọc	chấm
12	000293	0901030259	Ngô Thị Hằng	Nhung	02/05/2003	QM9A	07	70	2,9	1	Nhung	le
13	000294	0901030776	Phạm Phú	Quân	23/10/2003	QM9A	07	71	1,8	1	Quân	chấm
14	000295	0901070041	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/11/2003	QM9A	07	72	2,6	1	Minh	le
15	000296	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	07	73	2,3	1	Thanh	chấm
16	000297	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	07	74	1,8	1	Thảo	le
17	000298	0901030901	Nguyễn Duy	Thông	10/02/2000	QM9A	07	75	6,0	1	Thông	chấm
18	000299	0901030180	Nguyễn Thị Hồng	Thu	11/07/2003	QM9A	07	76	2,4	1	Thu	le
19	000300	0901030854	Hoàng Thị	Trà	17/10/2003	QM9A	07	77	5,9	1	Trà	chấm
20	000301	0901080857	Lương Thị Thu	Trang	17/05/2003	QM9A	07	78	2,9	1	Trang	le
21	000302	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM9A	07	79	0,8	01	Trúc	chấm
22	000303	0901030926	Chu Thành	Vinh	02/10/2002	QM9A	07	80	3,2	01	Vinh	le
23	000304	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	07	81	1,2	01	Vy	chấm
24	000305	0901030194	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/07/2003	QM9B	08	82	3,9	01	Quỳnh	le
25	000306	0901030917	Phạm Nhật	Anh	08/09/2003	QM9B	08	83	3,2	01	Phạm	chấm
26	000307	0901030512	Trịnh Tú	Anh	30/10/2003	QM9B	08					Vấn
27	000308	0901030589	Bùi Thị Ngọc	Bích	26/09/2003	QM9B	08	84	5,4	01	Bích	chấm
28	000309	0901030523	Đặng Xuân	Diệu	22/12/2003	QM9B	08	85	4,2	01	Đặng	le
29	000310	0901030125	Nguyễn Việt	Đức	09/10/2001	QM9B	08					HP,ĐK
30	000311	0901030710	Lê Thuý	Dương	24/07/2003	QM9B	08	86	2,6	01	Dương	le
31	000312	0901030483	Nguyễn Đức	Duy	27/10/2003	QM9B	08	87	1,1	01	Duy	chấm

Tổng số sinh viên dự thi: ... 29 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 29 ...

Tổng số biên bản: ... 29 ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thúy Nga

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000313	0901030786	Hoàng Trung	Hải	27/06/2003	QM9B	08	176	2,6	1	Hải	lẻ
2	000314	0901030675	Phạm Thu	Hiền	04/11/2003	QM9B	08	177	6,5	1	Hiền	chẵn
3	000315	0901030768	Nguyễn Đức	Hiệu	24/05/2003	QM9B	08	178	3,2	1	Hiệu	lẻ
4	000316	0901030759	Nguyễn Thị	Huê	30/09/2003	QM9B	08	179	5,6	1	Huê	chẵn
5	000317	0901030660	Nguyễn Lan	Hương	08/01/2003	QM9B	08	180	6,6	1	Hương	lẻ
6	000318	0901030892	Trần Thị	Hường	10/04/2003	QM9B	08	181	6,7	1	Trần	chẵn
7	000319	0901030072	Nguyễn Tiến	Khôi	16/12/2003	QM9B	08	182	2,2	1	Khôi	lẻ
8	000320	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B	08	183	3,7	01	Kỳ	chẵn
9	000321	0901030651	Nguyễn Hoàng	Lan	23/12/2003	QM9B	08	184	3,0	1	Hoàng	lẻ
10	000322	0901030713	Lê Thị	Linh	19/04/2003	QM9B	08	185	6,1	01	Linh	chẵn
11	000323	0901030511	Đỗ Thị Quỳnh	Loan	14/10/2003	QM9B	08	186	6,8	1	Loan	lẻ
12	000324	0901030734	Nguyễn Thị Hương	Ly	03/11/2003	QM9B	08	187	5,6	01	Ly	chẵn
13	000325	0901030458	Đoàn Thị Xuân	Mai	09/11/2003	QM9B	08	188	6,2	01	Mai	lẻ
14	000326	0901030108	Phan Văn	Mạnh	27/05/2003	QM9B	08	189	4,0	01	Mạnh	chẵn
15	000327	0901030677	Nguyễn Thu	Nga	09/06/2003	QM9B	08	190	2,5	1	Nga	lẻ
16	000328	0901030957	Ung Thị Quỳnh	Nga	28/09/2003	QM9B	08	191	7,3	1	Ung	chẵn
17	000329	0901030144	Vũ Thị Minh	Nguyệt	19/11/2003	QM9B	08	192	5,0	1	Nguyệt	lẻ
18	000330	0901030214	Nguyễn Thị	Oanh	10/01/2002	QM9B	08	193	5,8	1	Oanh	chẵn
19	000331	0901030296	Vũ Minh	Phúc	23/02/2003	QM9B	08	194	1,5	1	Phúc	lẻ
20	000332	0901030433	Lương Thị Diễm	Quỳnh	08/11/2003	QM9B	08	195	6,0	1	Quỳnh	chẵn
21	000333	0901030387	Nguyễn Văn	Sáng	14/11/2002	QM9B	08	196	1,5	01	Sáng	lẻ
22	000334	0901030697	Nguyễn Tiến	Thái	01/04/2002	QM9B	08	197	3,3	1	Thái	chẵn
23	000335	0901070614	Vương Thị	Thanh	21/12/2003	QM9B	08					HP,ĐK
24	000336	0901030350	Tổng Đức	Thành	18/10/2003	QM9B	08	198	7,1	01	Thành	chẵn
25	000337	0901020912	Nguyễn Phương	Thảo	12/01/2003	QM9B	08	199	3,5	01	Thảo	lẻ
26	000338	0901030920	Hoàng Thanh	Trà	14/12/2003	QM9B	08					HP,ĐK
27	000339	0901030708	Đặng Thị	Trang	02/08/2003	QM9B	08	200	0,9	1	Trang	lẻ
28	000340	0901010796	Đỗ Thị Huyền	Trang	13/10/2003	QM9B	08	201	3,6	01	Trang	chẵn
29	000341	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	08	202	0,9	1	Trang	lẻ
30	000342	0901030730	Phan Thị Thu	Trang	14/09/2003	QM9B	08					HP

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng Xiem

Nguyễn Thị Hương Yên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000343	0901060872	Nguyễn Công Kỳ	Anh	20/09/2003	KA9A	09	386	3.0	1	Anh	le'
2	000344	0901020572	Phạm Thị Vân	Anh	22/08/2003	KA9A	09	387	2.8	01	Anh	chấn
3	000345	0901020238	Trần Thị	Báu	03/12/2003	KA9A	09	388	5.0	1	Báu	le'
4	000346	0901060179	Hà Minh	Chi	24/06/2003	KA9A	09	389	3.4	01	Chi	chấn
5	000347	0901060664	Phạm Thị	Chinh	05/05/2003	KA9A	09	390	8.2	01	Chinh	le'
6	000348	0901020441	Lê Thị	Chúc	24/09/2003	KA9A	09	391	3.1	01	Chúc	Bảo
7	000349	0901020060	Nguyễn Huyền	Diệu	23/11/2003	KA9A	09	392	9.1	1	Diệu	le'
8	000350	0901010481	Trần Trung	Đức	16/01/2003	KA9A	09	393	1.1	1	Đức	chấn
9	000351	0901060557	Hoàng Hương	Giang	22/03/2003	KA9A	09	394	7.8	1	Hương	le'
10	000352	0901060520	Bùi Bảo	Hân	12/10/2003	KA9A	09	395	6.7	1	Hân	chấn
11	000353	0901020020	Nguyễn Huy	Hoàng	01/01/2003	KA9A	09	396	3.6	1	Huy	le'
12	000354	0901060667	Nguyễn Văn	Hung	14/10/2003	KA9A	09	397	6.5	1	Văn	chấn
13	000355	0901060943	Nguyễn Thu	Hương	22/01/2003	KA9A	09	398	6.1	1	Thu	le'
14	000356	0901060221	Dương Thị Ngọc	Huyền	31/08/2003	KA9A	09	399	0.3	1	Ngọc	chấn
15	000357	0901060348	Nguyễn Ngọc	Lam	22/09/2003	KA9A	09	400	5.5	1	Lam	le'
16	000358	0901030100	Giang Thị Hồng	Mai	02/06/2003	KA9A	09	401	1.4	1	Hồng	chấn
17	000359	0901060837	Nguyễn Thị	Mai	23/02/2003	KA9A	09	402	5.9	1	Mai	le'
18	000360	0901020925	Nguyễn Trà	My	12/07/2003	KA9A	09	403	0.9	1	Trà	chấn
19	000361	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	09	404	5.8	1	Quỳnh	le'
20	000362	0901060601	Phí Việt	Nhật	14/10/2003	KA9A	09	405	1.2	1	Nhật	chấn
21	000363	0901060451	Phạm Thị Út	Nhi	02/08/2003	KA9A	09	406	7.9	1	Nhi	le'
22	000364	0901060723	Nguyễn Trí	Phong	05/12/2003	KA9A	09	407	7.0	1	Trí	chấn
23	000365	0901060525	Đỗ Phương	Thảo	13/11/2003	KA9A	09	408	8.9	1	Thảo	le'
24	000366	0901060401	Đoàn Thị Thu	Thảo	10/03/2003	KA9A	09	409	6.6	1	Thu	chấn
25	000367	0901030063	Bùi Thị	Trang	26/02/2003	KA9A	09	410	9.7	1	Trang	le'
26	000368	0901060218	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	26/06/2003	KA9A	09	411	5.7	1	Trang	chấn
27	000369	0901060575	Phạm Thu	Trang	18/09/2003	KA9A	09	412	9.7	1	Thu	le'
28	000370	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	09	413	0.6	1	Hồng	chấn
29	000371	0901060742	Phùng Quang	Trường	02/11/2003	KA9A	09	414	4.5	1	Quang	le'
30	000372	0901020273	Nguyễn Tô	Uyên	24/09/2003	KA9A	09	415	2.4	1	Tô	chấn
31	000373	0901060965	Đào Đức	Việt	21/12/2002	KA9A	09	416	0.6	1	Đức	le'
32	000374	0901030118	Nguyễn Hồng	Yến	21/11/2003	KA9A	09	417	6.5	1	Yến	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Bích Phúc
Đỗ Thị Huyền Thanh



605-635

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000375	0901020276	Đỗ Quỳnh	Anh	24/06/2003	KD9B	10	605	9,7	01	Anh	Lẻ
2	000376	0901020456	Đỗ Thị Phương	Anh	21/07/2003	KD9B	10	606	3,4	01	Anh	chẵn
3	000377	0901020566	Đỗ Thị Vân	Anh	24/12/2003	KD9B	10	607	8,3	01	Anh	lẻ
4	000378	0901020001	Hoàng Thị Lan	Anh	27/04/2003	KD9B	10	608	3,1	01	Anh	chẵn
5	000379	0901020587	Lê Hải	Anh	06/06/2003	KD9B	10	609	4,8	01	Anh	lẻ
6	000380	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD9B	10	610	3,1	01	Anh	chẵn
7	000381	0901080967	Phan Phương	Anh	19/11/2003	KD9B	10	611	8,1	01	Anh	Lẻ
8	000382	0901020610	Trương Thị Vân	Anh	11/04/2003	KD9B	10	612	4,6	01	Anh	chẵn
9	000383	0901030206	Vũ Minh	Anh	06/11/2003	KD9B	10	613	3,7	01	Anh	lẻ
10	000384	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD9B	10					ĐK
11	000385	0901020468	Ngô Đình	Dương	14/05/2003	KD9B	10	614	6,2	01	Dương	lẻ
12	000386	0901020672	Phạm Thị	Giang	25/08/2003	KD9B	10	615	5,9	01	Giang	chẵn
13	000387	0901020391	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/2003	KD9B	10	616	5,9	01	Hà	lẻ
14	000388	0901020569	Lưu Thanh	Hằng	22/08/2003	KD9B	10	617	4,8	01	Hằng	chẵn
15	000389	0901020563	Vũ Thị Bích	Hào	01/01/2003	KD9B	10	618	4,5	01	Hào	lẻ
16	000390	0901020564	Vũ Thị Minh	Hiền	01/01/2003	KD9B	10	619	3,0	01	Hiền	chẵn
17	000391	0901020510	Nguyễn Quỳnh	Hoa	16/12/2003	KD9B	10	620	9,1	01	Hoa	lẻ
18	000392	0901020501	Nguyễn Thu	Huệ	08/11/2003	KD9B	10	621	2,5	01	Huệ	chẵn
19	000393	0901020053	Vũ Thị	Huyền	28/01/1998	KD9B	10	622	8,1	01	Huyền	lẻ
20	000394	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B	10	623	2,5	01	Lan	chẵn
21	000395	0901020050	Lê Phương	Linh	27/12/2003	KD9B	10	624	3,9	01	Linh	lẻ
22	000396	0901020858	Cù Thị Phương	Ly	11/06/2003	KD9B	10	625	2,9	01	Ly	chẵn
23	000397	0901020741	Nguyễn Thị	Mai	12/07/2003	KD9B	10	626	7,2	01	Mai	lẻ
24	000398	0901020024	Vũ Nhật	Minh	13/07/2003	KD9B	10	627	2,2	01	Minh	chẵn
25	000399	0901020215	Đỗ Trà	My	01/06/2003	KD9B	10	628	5,5	01	My	lẻ
26	000400	0901020608	Vũ Thị Kim	Ngân	08/05/2003	KD9B	10	629	3,6	01	Ngân	chẵn
27	000401	0901020317	Lê Thị	Ngọc	28/08/2003	KD9B	10	630	5,3	01	Ngọc	lẻ
28	000402	0901010236	Đinh Thị Thùy	Nhung	22/01/2003	KD9B	10	631	1,6	01	Nhung	chẵn
29	000403	0901020352	Đỗ Thị Lan	Phương	20/12/2003	KD9B	10	632	4,2	01	Phương	lẻ
30	000404	0901020798	Nguyễn Quang	Quý	26/01/2003	KD9B	10	633	4,8	01	Quý	chẵn
31	000405	0901020019	Nguyễn Văn	Thành	20/08/2002	KD9B	10	634	2,7	01	Thành	lẻ
32	000406	0901020688	Đỗ Phương	Thảo	08/10/2003	KD9B	10	635	5,2	01	Thảo	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ... 31 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 31 ...

Tổng số biên bản: ... 0 ...

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Hồng Nhung

Vũ Thị Hà



636-664

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000407	0901030814	Nguyễn Thu	Thảo	11/02/2003	KD9B	10	636	8,9	1	Thảo	le?
2	000408	0901020052	Phạm Lê Thanh	Thảo	21/08/2003	KD9B	10	637	5,7	1	Phạm	chấn
3	000409	0901010804	Ngô Thị	Thủy	25/02/2003	KD9B	10	638	8,7	1	Thủy	le?
4	000410	0901020606	Lưu Thị Kiều	Trang	21/11/2003	KD9B	10	639	6,9	1	Trang	chấn
5	000411	0901020250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/08/2003	KD9B	10	640	5,3	1	Trang	le?
6	000412	0901020480	Thạch Thị Kiều	Trang	18/09/2003	KD9B	10	641	5,5	1	Trang	chấn
7	000413	0901020769	Trần Thị Lan	Trinh	04/08/2003	KD9B	10	642	6,5	1	Trinh	le?
8	000414	0901020607	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	21/12/2002	KD9B	10	643	6,1	1	Tuyết	chấn
9	000415	0901020081	Ngô Thị	Vân	20/10/2003	KD9B	10	644	5,9	1	Vân	le?
10	000416	0901030040	Phạm Hải	Yến	06/05/2003	KD9B	10	645	4,9	1	Yến	chấn
11	000417	0901020531	Lê Ngọc	Anh	30/09/2003	KD9C	11	646	6,1	1	Anh	le?
12	000418	0901020229	Nguyễn Phương	Anh	02/09/2003	KD9C	11	647	2,1	1	Anh	chấn
13	000419	0901020231	Nguyễn Phương	Anh	29/12/2003	KD9C	11	648	5,3	1	Anh	le?
14	000420	0901020429	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/03/2003	KD9C	11	649	1,7	1	Anh	chấn
15	000421	0901020855	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/11/2003	KD9C	11	650	3,5	1	Anh	le?
16	000422	0901020251	Chu Thị Ngọc	Ánh	23/08/2003	KD9C	11	651	2,4	1	Anh	chấn
17	000423	0901020839	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	27/10/2003	KD9C	11	652	0,9	1	Chi	le?
18	000424	0901020193	Nguyễn Minh	Đức	09/02/2003	KD9C	11	653	0,6	1	Đức	chấn
19	000425	0901020548	Nguyễn Tiến	Dũng	01/10/2003	KD9C	11	654	4,0	1	Dũng	le?
20	000426	0901020623	Nguyễn Thùy	Dương	01/04/2003	KD9C	11	655	3,4	1	Dương	chấn
21	000427	0901020045	Nguyễn Thị Hà	Giang	10/03/2003	KD9C	11	656	3,8	1	Giang	le?
22	000428	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	11	657	2,7	1	Hà	chấn
23	000429	0901020374	Nguyễn Minh	Hằng	04/11/2003	KD9C	11					HP,ĐK
24	000430	0901020035	Vũ Thúy	Hiền	23/10/2003	KD9C	11	658	1,7	1	Hiền	chấn
25	000431	0901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	11	659	4,0	1	Hoa	le?
26	000432	0901020638	Khuất Duy	Hung	13/12/2003	KD9C	11	660	2,5	1	Hung	le?
27	000433	0901020357	Phan Thị Quỳnh	Hương	21/11/2003	KD9C	11	661	6,1	1	Hương	le?
28	000434	0901020172	Vũ Thanh	Hương	09/07/1997	KD9C	11					HP,ĐK
29	000435	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	11					ĐK
30	000436	0901020811	Nguyễn Thị	Linh	20/02/2003	KD9C	11	662	3,2	1	Linh	chấn
31	000437	0901010097	Ngô Diệu	Linh	06/12/2003	KD9C	11	663	3,5	1	Linh	le?
32	000438	0901020726	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/03/2003	KD9C	11	664	2,2	1	Linh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 23 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc

Bùi Phú Mạnh Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000439	0901020516	Phạm Thị Hiền	Lương	25/08/2003	KD9C	11	573	6,1	01	Lương	le?
2	000440	0901020368	Nguyễn Thị Hồng	Mai	11/08/2003	KD9C	11	574	0,9	01	Hai	chấn
3	000441	0901020448	Nguyễn Thị	Mùi	28/12/2003	KD9C	11	575	3,5	01	Mùi	le?
4	000442	0901020625	Hà Kim	Ngân	08/04/2003	KD9C	11	576	7,0	01	Ngân	chấn
5	000443	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD9C	11	577	0,9	01	Nghĩa	le?
6	000444	0901020201	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/02/2003	KD9C	11	578	0,6	01	Ngọc	chấn
7	000445	0901020319	Phạm Hồng	Nhung	09/01/2003	KD9C	11	579	0,6	01	Nhung	le?
8	000446	0901020655	Hà Thu	Phương	17/12/2003	KD9C	11	580	4,2	01	Phương	chấn
9	000447	0901020576	Nguyễn Thị Minh	Phương	12/05/2003	KD9C	11	581	1,4	01	Phương	le?
10	000448	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD9C	11	582	0,9	01	Phương	chấn
11	000449	0901020758	Nguyễn Thị	Quý	28/07/2003	KD9C	11	583	6,7	01	Quý	le?
12	000450	0901020298	Nguyễn Bùi Trúc	Quỳnh	03/12/2003	KD9C	11	584	0,9	01	Quỳnh	chấn
13	000451	0901020476	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/10/2003	KD9C	11	585	8,5	01	Tâm	le?
14	000452	0901020187	Phạm Phương	Thảo	26/12/2003	KD9C	11	586	1,2	01	Thảo	chấn
15	000453	0901020779	Lê Thị Huyền	Trang	21/03/2003	KD9C	11	587	1,5	1	Trang	le?
16	000454	0901020311	Lê Thị Quỳnh	Trang	05/06/2003	KD9C	11	588	1,2	1	Trang	chấn
17	000455	0901020559	Trần Quỳnh	Trang	23/01/2003	KD9C	11	589	7,2	01	Trang	chấn le?
18	000456	0901020086	Trần Thị Huyền	Trang	17/11/2003	KD9C	11	590	0,9	1	Trang	chấn
19	000457	0901020381	Lê Thanh	Trúc	17/06/2003	KD9C	11	591	0,9	1	Trúc	le?
20	000458	0901020168	Trần Khánh	Vân	02/12/2003	KD9C	11	592	0,9	1	Vân	chấn
21	000459	0901020847	Nguyễn Thị	Xuyến	06/08/2003	KD9C	11	593	7,0	1	Xuyến	le?
22	000460	0901030044	Phạm Thị	Yến	04/11/2003	KD9C	11	594	0,9	1	Yến	chấn
23	000461	0901020359	Lỗ Thị Mai	Anh	02/11/2003	KD9D	12	595	0,9	1	Anh	le?
24	000462	0901020906	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/07/2003	KD9D	12	596	0,9	1	Anh	chấn
25	000463	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	12	597	1,1	1	Anh	le?
26	000464	0901020720	Nguyễn Thị Trâm	Anh	17/12/2003	KD9D	12	598	0,9	1	Anh	chấn
27	000465	0901070716	Nguyễn Vũ Hà	Anh	23/10/2003	KD9D	12	599	0,6	1	Hà	le?
28	000466	0901020027	Phạm Hà Lan	Anh	25/12/2003	KD9D	12	600	0,9	1	Anh	chấn
29	000467	0901020263	Phạm Lan	Anh	01/11/2003	KD9D	12	601	2,0	1	Lan	le?
30	000468	0901020449	Đỗ Thị	Ánh	11/02/2003	KD9D	12	602	5,0	1	Ánh	chấn
31	000469	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD9D	12	603	4,1	1	Chi	le?
32	000470	0901020593	Nguyễn Thành	Công	24/09/2003	KD9D	12	604	0,5	1	Công	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Vân

Vũ Thị Trang



512 - 542

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000471	0901020016	Phạm Thành	Đạt	01/08/2003	KD9D	12	512	1,5	01	Đạt	Lé?
2	000472	0901020143	Nguyễn Quang	Duy	20/04/2003	KD9D	12	513	3,9	01	Duy	chấn
3	000473	0901020643	Chu Thị Thu	Hà	21/03/2003	KD9D	12	514	4,6	01	Hà	Lé?
4	000474	0901020689	Nguyễn Thu	Hà	26/06/2003	KD9D	12	515	7,4	01	Hà	Chấn
5	000475	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	12	516	5,0	01	Hà	Lé?
6	000476	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D	12	517	3,4	01	Hiền	HP Chấn
7	000477	0901010427	Ngô Minh	Hiếu	20/10/2003	KD9D	12	518	6,0	01	Hiếu	Lé?
8	000478	0901020959	Vũ Thị Thanh	Hoa	25/01/2003	KD9D	12	519	4,0	01	Hoa	chấn
9	000479	0901020630	Vũ Thị	Hòa	01/12/2002	KD9D	12	520	4,8	01	Hòa	Lé?
10	000480	0901020344	Nguyễn Quang	Hưng	28/09/2003	KD9D	12					HP,ĐK
11	000481	0901020628	Hoàng Thu	Hường	27/09/2003	KD9D	12	521	4,0	01	Hường	Lé?
12	000482	0901020815	Dương Minh	Huyền	01/06/2003	KD9D	12	522	3,4	01	Huyền	chấn
13	000483	0901020619	Trần Tú	Loan	28/11/2003	KD9D	12	523	3,5	01	Loan	HP (Lé?)
14	000484	0901020162	Lê Thị Khánh	Ly	03/08/2003	KD9D	12	524	3,1	01	Ly	chấn
15	000485	0901020668	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/10/2003	KD9D	12	525	7,2	01	Mai	Lé?
16	000486	0901020384	Dương Thị Yến	My	28/01/2003	KD9D	12	526	3,0	01	My	chấn
17	000487	0901020694	Hoàng Khánh	Ngân	15/07/2003	KD9D	12	527	7,1	01	Ngân	Lé?
18	000488	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	12	528	3,1		Ngọc	Chấn
19	000489	0901020440	Lê Thị Ngọc	Như	14/07/2003	KD9D	12	529	9,7	01	Như	Lé?
20	000490	0901040934	Lê Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	KD9D	12	530	3,4	01	Oanh	Chấn
21	000491	0901020514	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/02/2003	KD9D	12	531	8,8	01	Phương	Lé?
22	000492	0901020182	Cao Thúy	Quỳnh	21/10/2002	KD9D	12	532	4,6	01	Quỳnh	chấn
23	000493	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	12	533	5,8	01	Quỳnh	Lé?
24	000494	0901020580	Hà Thị Phương	Thảo	04/10/2002	KD9D	12	534	2,2	01	Thảo	Chấn
25	000495	0901020454	Nguyễn Thanh	Thảo	28/09/2003	KD9D	12	535	7,1	01	Thảo	Lé?
26	000496	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	12	536	3,6	01	Thảo	chấn
27	000497	0901070083	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/08/2003	KD9D	12	537	5,0	01	Thảo	Lé?
28	000498	0901010676	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	KD9D	12	538	2,1	01	Thu	chấn
29	000499	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	12	539	6,6	01	Thư	Lé?
30	000500	0901020422	Bùi Thị	Thương	11/12/2003	KD9D	12	540	6,2	01	Thương	Chấn
31	000501	0901020521	Lê Thị Thuý	Trang	15/02/2003	KD9D	12	541	6,7	01	Trang	Lé?
32	000502	0901020378	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/2003	KD9D	12	542	3,5	01	Trang	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 34...

Tổng số tờ giấy thi: 34.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 23 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Tuyết Nhung
Đào Thị Hằng



697 - 725

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000503	0901020729	Lương Đức	Trung	07/11/2003	KD9D	12	697	6,3	01	Trung	le'
2	000504	0901020966	Phan Thị Tâm	Tuệ	21/03/2003	KD9D	12	698	1,7	01	Tuệ	chấn
3	000505	0901030079	Trần Thị	Vân	01/03/2002	KD9D	12	699	0,3	01	Vân	le'
4	000506	0901020663	Đỗ Thị Thúy	An	22/05/2003	KD9E	13	700	0,6	01	An	HP chấn
5	000507	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	13	701	0,9	01	Anh	le'
6	000508	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	13	702	2,7	01	Anh	Chấn
7	000509	0901020324	Phạm Ngọc	Anh	18/09/2003	KD9E	13	703	2,3	01	Anh	le'
8	000510	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD9E	13	704	3,0	01	Anh	chấn
9	000511	0901020403	Phạm Thị Ngọc	Ánh	16/08/2003	KD9E	13	705	2,5	1	Anh	chấn le'
10	000512	0901020761	Võ Thị Quỳnh	Chi	29/12/2003	KD9E	13	706	7,0	01	Chi	chấn
11	000513	0901020728	Hà Hồng	Duyên	13/06/2003	KD9E	13	707	3,0	01	Duyên	le'
12	000514	0901020721	Đặng Thúy	Hà	24/04/2003	KD9E	13	708	0,9	01	Hà	chấn
13	000515	0901020627	Hoàng Hải	Hà	28/11/2003	KD9E	13	709	4,7	01	Hà	le'
14	000516	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	13	710	0,9	01	Hà	chấn
15	000517	0901020739	Nguyễn Thị Vân	Hằng	03/01/2003	KD9E	13	711	8,5	01	Hằng	le'
16	000518	0901020503	Đỗ Thị	Hoa	07/03/2003	KD9E	13	712	0,9	01	Hoa	Chấn
17	000519	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	13	713	7,3	01	Hoài	le'
18	000520	0901020488	Nguyễn Thanh	Hoài	13/06/2003	KD9E	13	714	6,9	01	Hoài	Chấn
19	000521	0901020968	Trần Mạnh	Hùng	13/09/2003	KD9E	13	715	4,9	01	Hùng	le'
20	000522	0901020487	Phùng	Hung	06/12/2003	KD9E	13	716	1,1	01	Hung	Chấn
21	000523	0901020620	Phạm Thị Lan	Hương	02/07/2003	KD9E	13					HP
22	000524	0901020241	Trần Thị Việt	Hương	08/10/2003	KD9E	13	717	0,9	01	Hương	chấn
23	000525	0901020886	Lê Ngọc	Huyền	22/08/2003	KD9E	13	718	9,1	01	Huyền	le'
24	000526	0901020821	Nguyễn Thị Mai	Liên	11/10/2003	KD9E	13	719	7,2	01	Liên	chấn
25	000527	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E	13					HP
26	000528	0901060455	Vũ Thị Kim	Loan	31/03/2003	KD9E	13	720	2,4	01	Loan	chấn
27	000529	0901020392	Nguyễn Thị	Ly	09/12/2003	KD9E	13					HP
28	000530	0901020690	Phạm Thị	Mai	24/05/2003	KD9E	13	721	8,3	01	Mai	chấn
29	000531	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	13	722	0,3	01	Mai	le'
30	000532	0901030624	Quách Thị	My	06/06/2003	KD9E	13	723	7,7	01	My	chấn
31	000533	0901020670	Nguyễn Thị Thu	Ngân	29/01/2003	KD9E	13	724	5,2	01	Ngân	le'
32	000534	0901020106	Trần Hải	Ngọc	10/08/2002	KD9E	13	725	1,4	01	Ngọc	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 2

Ngày 23 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu

Trần Thị Thu



665 - 696

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

Chẩn/le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000535	0901020853	Lục Ái	Như	10/06/2003	KD9E	13	665	6.3	1	Như	le'
2	000536	0901030178	Trần Hồng	Nhung	17/12/2003	KD9E	13	666	5.4	1	Nhung	chẩn
3	000537	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	13	667	4.5	1	Ninh	le'
4	000538	0901020499	Nguyễn Minh	Phương	12/08/2003	KD9E	13	668	4.1	1	Phương	chẩn
5	000539	0901020290	Nguyễn Thị Thúy	Phương	27/12/2003	KD9E	13	669	8.5	1	Phương	le'
6	000540	0901020316	Nguyễn Minh	Quân	23/09/2003	KD9E	13	670	5.1	1	Quân	chẩn
7	000541	0901020834	Chu Trần Hương	Quỳnh	18/09/2003	KD9E	13	671	6.2	1	Quỳnh	le'
8	000542	0901020379	Đào Phương	Thảo	17/11/2003	KD9E	13	672	7.2	1	Thảo	chẩn
9	000543	0901020191	Lê Phương	Thảo	18/05/2003	KD9E	13	673	2.4	1	Thảo	le'
10	000544	0901020437	Tô Phương	Thảo	14/04/2003	KD9E	13	674	4.7	1	Thảo	chẩn
11	000545	0901020084	Nguyễn Thị Thanh	Thư	06/02/2003	KD9E	13	675	5.7	1	Thư	le'
12	000546	0901030252	Nguyễn Thị Thanh	Thanh Thư	11/05/2003	KD9E	13	676	2.8	1	Thư	chẩn
13	000547	0901020529	Nguyễn Phương	Thúy	18/03/2003	KD9E	13	677	6.0	1	Thúy	le'
14	000548	0901020574	Đào Thu	Trang	13/10/2003	KD9E	13	678	6.5	1	Trang	chẩn
15	000549	0901020746	Lê Thị Huyền	Trang	15/09/2003	KD9E	13	679	1.2	1	Trang	le'
16	000550	0901020271	Lê Thùy	Trang	16/05/2003	KD9E	13	680	3.7	1	Trang	chẩn
17	000551	0901020929	Nguyễn Thị	Trang	04/06/2003	KD9E	13	681	7.6	1	Trang	le'
18	000552	0901020747	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/03/2003	KD9E	13	682	1.5	1	Trang	chẩn
19	000553	0901020482	Trần Thị Thùy	Trang	28/02/2003	KD9E	13	683	7.3	1	Trang	le'
20	000554	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	13	684	2.4	1	Trung	chẩn
21	000555	0901040292	Đinh Văn	Tú	23/03/2003	KD9E	13	685	5.3	1	Tú	le'
22	000556	0901020202	Đào Ngọc	Anh	09/10/2003	KD9G	14	686	4.5	1	Anh	chẩn
23	000557	0901020674	Nguyễn Hà	Anh	27/11/2003	KD9G	14	687	9.1	1	Anh	le'
24	000558	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	14	688	2.7	1	Anh	chẩn
25	000559	0901020636	Phạm Phương	Anh	07/09/2003	KD9G	14	689	8.4	1	Anh	le'
26	000560	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	14	690	2.9	1	Bình	chẩn
27	000561	0901020687	Nguyễn Phương	Chinh	14/10/2003	KD9G	14	691	8.8	1	Chinh	le'
28	000562	0901020393	Vũ Đỗ Hồng	Điệp	29/11/2003	KD9G	14	692	3.9	1	Điệp	chẩn
29	000563	0901020308	Hoàng Bích	Duyên	21/05/2003	KD9G	14	693	6.2	1	Duyên	le'
30	000564	0901020554	Đỗ Thị Thu	Hà	25/06/2003	KD9G	14	694	7.2	1	Hà	chẩn
31	000565	0901020757	Nguyễn Thu	Hằng	09/08/2003	KD9G	14	695	1.1	1	Hằng	le'
32	000566	0901020038	Lưu Thị Thu	Hạnh	13/03/2003	KD9G	14	696	5.3	1	Hạnh	chẩn

Tổng số sinh viên dự thi: 32....

Tổng số tờ giấy thi: 32....

Tổng số biên bản: 0....

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Việt Phương

Phạm T. M.



543-572

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000567	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD9G	14					HP,ĐK
2	000568	0901020588	Phạm Thị Thu	Hoài	12/06/2003	KD9G	14	543	3,1	01	Thu	chấn
3	000569	0901020300	Giáp Thị Thu	Hương	14/04/2000	KD9G	14	544	3,2	01	Hương	lẻ
4	000570	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	14	545	3,3	01	Hương	chấn
5	000571	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	14	546	2,2	1	Huyền	lẻ
6	000572	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	14	547	3,3	01	Khanh	chấn
7	000573	0901020860	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/01/2003	KD9G	14	548	8,8	01	Lan	lẻ
8	000574	0901020831	Phạm Thị	Liên	09/09/2003	KD9G	14	549	4,0	1	Liên	chấn
9	000575	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	14	550	5,8	01	Linh	lẻ
10	000576	0901020598	Nguyễn Hải	Ly	25/11/2003	KD9G	14	551	1,8	01	Ly	chấn
11	000577	0901030057	Lưu Quang	Minh	29/07/2003	KD9G	14	552	5,3	01	Minh	lẻ
12	000578	0901020778	Lý Thị	My	22/02/2003	KD9G	14	553	7,4	01	My	chấn
13	000579	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	14					ĐK
14	000580	0901030813	Bùi Thị Tuyết	Nhi	12/01/2003	KD9G	14	554	6,7	01	Nhi	chấn
15	000581	0901020597	Nguyễn Hải	Phương	11/09/2003	KD9G	14	555	8,2	01	Phương	lẻ
16	000582	0901020824	Nguyễn Thu	Phương	26/08/2003	KD9G	14	556	2,1	01	Phương	chấn
17	000583	0901020869	Dương Tuyết	Quỳnh	24/04/2003	KD9G	14	557	9,4	01	Quỳnh	lẻ
18	000584	0901020071	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	04/10/2003	KD9G	14	558	2,9	01	Quỳnh	chấn
19	000585	0901010616	Trần Thị Như	Quỳnh	10/09/2003	KD9G	14	559	7,6	1	Quỳnh	lẻ
20	000586	0901020421	Đào Mạnh	Son	02/11/2003	KD9G	14	560	1,9	1	Son	chấn
21	000587	0901020649	Lương Thị Phương	Thảo	06/04/2003	KD9G	14	561	7,0	1	Thảo	lẻ
22	000588	0901020578	Trần Hương	Thảo	14/01/2003	KD9G	14	562	7,9	2	Thảo	chấn
23	000589	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	14	563	3,3	1	Thanh	lẻ
24	000590	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	14	564	2,1	1	Trang	chấn
25	000591	0901020065	Nguyễn Kiều	Trang	26/01/2003	KD9G	14					HP,ĐK
26	000592	0901020330	Trương Hồ Huyền	Trang	22/09/2001	KD9G	14	565	3,4	1	Trang	chấn
27	000593	0901020963	Đinh Thanh	Tú	29/05/2003	KD9G	14	566	6,1	1	Tú	lẻ
28	000594	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	14	567	2,1	7	Tú	chấn
29	000595	0901020617	Lê Phan Phương	Uyên	01/09/2003	KD9G	14	568	6,7	1	Uyên	lẻ
30	000596	0901020749	Trần Thảo	Vân	01/08/2003	KD9G	14	569	3,5	1	Vân	chấn
31	000597	0901020087	Đỗ Phương	Anh	02/01/2003	KD9H	15	570	1,5	0,1	Anh	lẻ
32	000598	0901020167	Nguyễn Lan	Anh	08/11/2003	KD9H	15	571	2,6	1	Anh	chấn
33	000599	0901040693	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/06/2003	KD9H	15	572	8,4	1	Anh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 23.. tháng 12.. Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thu Trang

Trần T. Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000600	0901010029	Vũ Thị Kim	Cúc	18/12/2003	KD9H	15	418	2,2	1	Cúc	Chấn
2	000601	0901020541	Nguyễn Ngọc	Diễm	24/10/2003	KD9H	15	419	3,9	1	Diễm	le?
3	000602	0901020800	Nguyễn Thị Thu	Duyên	24/01/2003	KD9H	15	420	6,8	1	Huyền	Chấn
4	000603	0901020140	Đào Thị Hương	Giang	13/09/2003	KD9H	15					HP, ĐK
5	000604	0901020626	Lê Thị	Hà	29/11/2003	KD9H	15	421	7,5	1	Hà	Chấn
6	000605	0901020940	Phạm Minh	Hằng	13/03/2003	KD9H	15	422	8,4	1	Hằng	le?
7	000606	0901020342	Phạm Thu	Hằng	03/11/2003	KD9H	15	423	3,0	1	Hằng	Chấn
8	000607	0901020637	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/07/2003	KD9H	15	424	6,8	1	Hạnh	le?
9	000608	0901020939	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	11/10/2003	KD9H	15	425	5,5	1	Hiền	chấn
10	000609	0901020145	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	16/12/2003	KD9H	15	426	6,6	1	Hiếu	le?
11	000610	0901020026	Phạm Thị Mai	Hoa	25/09/2003	KD9H	15	427	3,3	1	Hoa	chấn
12	000611	0901020453	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	25/10/2003	KD9H	15	428	6,4	1	Hoàn	le?
13	000612	0901020532	Ngô Mai	Hương	10/11/2003	KD9H	15	429	5,0	1	Hương	chấn
14	000613	0901020542	Lê Thị Khánh	Huyền	22/11/2003	KD9H	15	430	3,8	1	Huyền	le?
15	000614	0901020199	Đỗ Xuân	Huỳnh	20/10/2003	KD9H	15	431	3,5	1	Huỳnh	Chấn
16	000615	0901020633	Đỗ Lê	Khánh	23/12/2003	KD9H	15	432	5,6	1	Khánh	le?
17	000616	0901020891	Nguyễn Ngọc	Lan	20/11/2003	KD9H	15	433	3,8	1	Lan	chấn
18	000617	0901020258	Chu Thị Thùy	Linh	06/02/2003	KD9H	15	434	6,3	1	Linh	le?
19	000618	0901020095	Huỳnh Diệu	Linh	07/11/2003	KD9H	15	435	6,3	1	Linh	chấn
20	000619	0901020313	Phạm Hải	Lý	26/02/2002	KD9H	15	436	6,0	1	Lý	le?
21	000620	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	15	437	4,2	1	Minh	chấn
22	000621	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	15	438	6,2	1		le?
23	000622	0901020321	Phạm Thị Kim	Ngân	02/10/2003	KD9H	15	439	1,4	1	Ngân	Chấn
24	000623	0901020472	Hà Kiều	Nhi	05/09/2003	KD9H	15	440	6,5	1	Nhi	le?
25	000624	0901030581	Phạm Hồng	Phương	03/12/2003	KD9H	15	441	3,0	1	Phượng	Chấn
26	000625	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	15	442	6,4	1	Phượng	le?
27	000626	0901020397	Phạm Thị	Phượng	21/02/2003	KD9H	15	443	2,5	1	Phượng	Chấn
28	000627	0901020469	Nguyễn Như	Quỳnh	03/08/2003	KD9H	15	444	5,4	1	Quỳnh	le?
29	000628	0901020793	Phan Thị	Thắm	16/07/2003	KD9H	15	445	3,5	1	Thắm	Chấn
30	000629	0901010755	Bùi Thị	Thảo	21/01/2003	KD9H	15	446	5,7	1	Thảo	le?
31	000630	0901020353	Đỗ Thị	Thảo	23/02/2003	KD9H	15	447	7,0	1	Thảo	Chấn
32	000631	0901020157	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	22/08/2003	KD9H	15	448	5,3	01	Thảo	le?
33	000632	0901020565	Vũ Phương	Thảo	24/03/2003	KD9H	15	449	7,8	1	Thảo	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi:.....32

Tổng số tờ giấy thi:.....32..

Tổng số biên bản:.....

Ngày 23.. tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Hoa

Nguyễn Thị Phương Hoa



726 - 756

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000633	0901020320	Phạm Thanh	Thư	09/05/2003	KD9H	15					HP,ĐK
2	000634	0901020155	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/2003	KD9H	15	576	6,5	1	Trang	chấn
3	000635	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	15	553	1,1	1	Trang	lẻ
4	000636	0901020773	Trần Anh	Tuân	08/10/2003	KD9H	15	754	4,7	1	Tuân	chấn
5	000637	0901020234	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/2003	KD9H	15	753	0,9	1	Uyên	lẻ
6	000638	0901060463	Phạm Thị	Uyên	04/04/2003	KD9H	15	752	2,9	1	Uyên	chấn
7	000639	0901030549	Đỗ Thị	Vui	26/02/2003	KD9H	15	751	2,4	1	Vui	lẻ
8	000640	0901060388	Nguyễn Minh	Anh	30/06/2003	KD9K	16	750	4,2	1	Anh	chấn
9	000641	0901020426	Quản Thị Vân	Anh	26/11/2003	KD9K	16	749	8,5	1	Anh	lẻ
10	000642	0901020801	Phạm Thị	Châm	11/03/2003	KD9K	16	748	6,7	1	Châm	chấn
11	000643	0901060257	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	22/03/2003	KD9K	16	747	8,0	1	Chinh	lẻ
12	000644	0901020333	Hà Thúy	Diệp	06/05/2003	KD9K	16	746	3,9	1	Diệp	chấn
13	000645	0901020445	Lê Thùy	Dung	13/04/2003	KD9K	16	745	9,4	1	Dung	lẻ
14	000646	0901010994	Đỗ Hữu	Dũng	15/07/2001	KD9K	16					HP,ĐK
15	000647	0901020774	Hoàng Thị Thùy	Dương	09/10/2003	KD9K	16	744	9,1	1	Dương	lẻ
16	000648	0901020551	Hoàng Hương	Giang	21/09/2003	KD9K	16	743	6,1	1	Hương	chấn
17	000649	0901020346	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/12/2003	KD9K	16	742	8,5	1	Giang	lẻ
18	000650	0901020845	Nguyễn Thu	Giang	25/02/2003	KD9K	16	741	7,7	1	Giang	chấn
19	000651	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	KD9K	16	740	7,7	1	Hào	lẻ
20	000652	0901020642	Đinh Thị	Hậu	04/10/2003	KD9K	16	739	7,4	1	Hậu	chấn
21	000653	0901020232	Trịnh Minh	Hiếu	15/12/2003	KD9K	16	738	8,1	1	Hiếu	lẻ
22	000654	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	16	737	5,7	1	Huy	chấn
23	000655	0901020513	Nguyễn Thanh	Hương	21/08/2003	KD9K	16	736	9,1	1	Hương	lẻ
24	000656	0901020751	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/02/2003	KD9K	16	735	7,8	1	Huyền	chấn
25	000657	0901020407	Lê Kim	Khánh	04/10/2003	KD9K	16	734	7,5	1	Khánh	lẻ
26	000658	0901020242	Bùi Thị	Linh	01/12/2003	KD9K	16	733	8,2	1	Linh	chấn
27	000659	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K	16	732	6,4	1	Linh	lẻ
28	000660	0901020260	Đỗ Thùy	Linh	27/07/2003	KD9K	16	731	4,8	1	Linh	chấn
29	000661	0901020613	Nguyễn Thanh	Loan	31/12/2003	KD9K	16	730	8,7	1	Loan	lẻ
30	000662	0901020980	Hoàng Văn	Minh	04/09/2002	KD9K	16	729	4,0	1	Minh	chấn
31	000663	0901020622	Nguyễn Thị Phương	Minh	04/11/2003	KD9K	16	728	7,5	1	Minh	lẻ
32	000664	0901020277	Bùi Thị	Nga	09/09/2002	KD9K	16	727	8,2	1	Nga	chấn
33	000665	0901020615	Vương Hồng Thùy	Ngân	12/04/2003	KD9K	16	726	8,5	1	Ngân	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 31...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Minh Phượng

Nguyễn Hữu Quý



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000666	0901010210	Lê Nguyễn	Phương Nhi	17/12/2003	KD9K	16	757	1,2	1	Nhi	Chấn
2	000667	0901020109	Nguyễn Thị	Hồng Nhung	19/07/2003	KD9K	16	758	8,9	1	Nhung	le
3	000668	0901020438	Lê Tấn	Phát	01/01/2003	KD9K	16	759	2,8	1	Phát	chấn
4	000669	0901020791	Nguyễn	Phương Quỳnh	29/07/2003	KD9K	16	760	8,4	1	Quỳnh	le
5	000670	0901020066	Đặng	Hồng Thắm	04/03/2003	KD9K	16	761	3,3	1	Thắm	chấn
6	000671	0901020505	Nguyễn	Phương Thảo	18/04/2003	KD9K	16	762	8,9	1	Thảo	le
7	000672	0901020126	Trần Thị	Minh Thư	05/01/2003	KD9K	16	763	5,7	1	Thư	chấn
8	000673	0901020921	Cáp Thị	Thanh Tiệp	12/02/2003	KD9K	16	764	7,5	1	Tiệp	le
9	000674	0901030851	Bùi Thị	Trang	13/12/2002	KD9K	16	765	5,7	1	Trang	chấn
10	000675	0901020382	Đỗ	Thu Trang	04/03/2003	KD9K	16	766	1,9	1	Trang	le
11	000676	0901020714	Nguyễn Thị	Thu Trang	22/05/2003	KD9K	16	767	1,4	1	Trang	chấn
12	000677	0901010042	Vũ	Huyền Trang	14/12/2003	KD9K	16	768	7,8	1	Trang	le
13	000678	0901020112	Lê	Việt Trinh	28/08/2001	KD9K	16	769	6,7	1	Trinh	chấn
14	000679	0901020898	Nguyễn Vũ	Thanh Tùng	30/12/2003	KD9K	16	770	7,8	1	Tùng	le
15	000680	0901020680	Trần	Duy Tùng	12/07/2003	KD9K	16	771	4,8	1	Tùng	chấn
16	000681	0901020496	Nguyễn	Thị Xuân	23/04/2003	KD9K	16	772	7,3	1	Xuân	le
17	000682	0901020297	Hà	Phương Anh	21/02/2003	KD9M	17	773	3,6	01	Anh	chấn
18	000683	0901020288	Nguyễn	Ngọc Anh	09/06/2003	KD9M	17	774	4,7	1	Anh	le
19	000684	0901020844	Nguyễn Thị	Ngọc Anh	06/10/2003	KD9M	17	775	3,7	1	Anh	chấn
20	000685	0901020049	Trần	Mỹ Anh	27/04/2003	KD9M	17	776	3,3	1	Anh	le
21	000686	0901020474	Nguyễn Thị	Ngọc Ánh	07/07/2003	KD9M	17	777	7,5	01	Anh	chấn
22	000687	0901020177	Hoàng	Linh Chi	28/04/2003	KD9M	17	778	3,8	01	Chi	le
23	000688	0901030326	Phạm	Thị Doanh	07/07/2003	KD9M	17	779	2,7	01	Doanh	chấn
24	000689	0901020075	Lê Thị	Thùy Dương	18/06/2003	KD9M	17	780	4,0	01	Dương	le
25	000690	0901020310	Chu	Thị Hải	15/11/2003	KD9M	17	781	0,9	1	Hải	chấn
26	000691	0901020543	Đào	Thu Hiền	27/01/2003	KD9M	17	782	7,8	01	Hiền	le
27	000692	0901020930	Nguyễn Thị	Thu Hiền	18/12/2003	KD9M	17	783	0,9	1	Hiền	chấn
28	000693	0901010685	Bùi	Tuyết Hoa	31/07/2003	KD9M	17	784	4,1	1	Hoa	le
29	000694	0901020890	Lê Thị	Hồng Hoa	24/05/2003	KD9M	17	785	2,2	1	Hoa	chấn
30	000695	0901020443	Trần	Thanh Hoàng	21/02/2003	KD9M	17	786	7,3	1	Hoàng	le
31	000696	0901020304	Nguyễn Thị	Thu Hồng	06/06/2003	KD9M	17	787	1,6	1	Hồng	chấn
32	000697	0901020484	Nguyễn Thị	Quỳnh Hương	06/09/2003	KD9M	17	788	6,6	1	Hương	le
33	000698	0901020654	Nguyễn	Thu Huyền	06/02/2003	KD9M	17	789	6,9	1	Huyền	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 6.....

Ngày 23 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thảo

Đoàn Thị Huệ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000699	0901020272	Trần Hoàng	Khánh	03/10/2003	KD9M	17	481	4.3	1	Khánh	le
2	000700	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	17	482	0.6	1	Linh	chấn
3	000701	0901020861	Nguyễn Thị	Linh	04/07/2003	KD9M	17	483	2.2	1	Linh	le
4	000702	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	17	484	0.9	1	Lộc	chấn
5	000703	0901030080	Đoàn Thị Ngọc	Mai	15/12/2003	KD9M	17	485	4.2	1	Mai	le
6	000704	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	17	486	1.9	1	Minh	chấn
7	000705	0901020658	Nguyễn Trọng	Minh	12/07/2003	KD9M	17	487	3.7	1	Minh	le
8	000706	0901020842	Ngô Thị Phương	Nga	31/03/2003	KD9M	17	488	5.7	1	Nga	chấn
9	000707	0901020114	Trần Thị Kim	Nghĩa	11/04/2003	KD9M	17	489	3.8	1	Nghĩa	le
10	000708	0901020671	Chu Thị Hồng	Nhung	07/12/2003	KD9M	17	490	7.1	1	Nhung	chấn
11	000709	0901060567	Lê Hồng	Phong	13/07/2003	KD9M	17	491	5.0	1	Phong	le
12	000710	0901020790	Vũ Mai	Phương	24/06/2003	KD9M	17	492	2.6	1	Phương	chấn
13	000711	0901020467	Hoàng Thị Tâm	Thanh	20/12/2003	KD9M	17	493	5.8	1	Thanh	le
14	000712	0901020828	Đoàn Hương	Thảo	01/06/2003	KD9M	17	494	1.1	1	Thảo	chấn
15	000713	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	17	495	2.8	1	Thảo	le
16	000714	0901020827	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/2003	KD9M	17	496	6.4	1	NgThảo	chấn
17	000715	0901020136	Ngô Xuân	Thức	07/03/2003	KD9M	17	497	5.1	1	Thức	le
18	000716	0901020893	Đoàn Lãnh	Thúy	26/08/2003	KD9M	17	498	6.7	1	Thúy	chấn
19	000717	0901020486	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/12/2003	KD9M	17	499	7.7	1	Trâm	le
20	000718	0901030684	Đỗ Thu	Trang	25/03/2003	KD9M	17	500	0.6	1	Trang	chấn
21	000719	0901020329	Nguyễn Thùy	Trang	28/05/2003	KD9M	17	501	4.9	1	Trang	le
22	000720	0901020303	Phan Thị Huyền	Trang	04/10/2003	KD9M	17	502	1.1	1	Trang	chấn
23	000721	0901020383	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12/02/2003	KD9M	17	503	3.8	1	Tú	le
24	000722	0901020743	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/03/2003	KD9M	17	504	3.4	1	Tuyết	chấn
25	000723	0901020268	Đặng Thanh	Vân	16/12/2003	KD9M	17	505	4.2	1	Vân	le
26	000724	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	17	506	1.1	1	Vũ	chấn
27	000725	0901020318	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	19/09/2003	KD9M	17	507	4.1	1	Xuân	le
28	000726	0901020936	Phạm Lê Nhật	An	30/10/2003	KD9N	18	508	0.9	1	An	chấn
29	000727	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	18	509	2.0	1	Anh	le
30	000728	0901030135	Lã Hải	Anh	24/09/2003	KD9N	18					HP,ĐK
31	000729	0901020034	Nguyễn Thị Phương	Anh	07/07/2003	KD9N	18	510	2.7	2	Phương	le
32	000730	0901020792	Trương Tuấn	Anh	11/05/2003	KD9N	18					HP
33	000731	0901020927	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/04/2003	KD9N	18	511	4.3	1	Ánh	le

Tổng số sinh viên dự thi: 34...

Tổng số tờ giấy thi: 31...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 25 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Quê

Lưu Thị Yên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000732	0901020785	Nguyễn Linh	Chi	26/08/2003	KD9N	18	355	5.1	1	Chi	chấn
2	000733	0901020585	Nguyễn Thanh	Chúc	17/04/2003	KD9N	18	354	3.7	1	Chúc	lẻ
3	000734	0901030244	Nguyễn Thị	Diễm	27/12/2003	KD9N	18	358	4.8	1	Diễm	chấn
4	000735	0901020152	Nguyễn Ngọc	Dung	03/12/2003	KD9N	18	357	6.9	1	Dung	lẻ
5	000736	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	18	358	2.8	1	Đặng	chấn
6	000737	0901020446	Nguyễn Thị Hương	Giang	07/11/2003	KD9N	18	359	8.8	1	Giang	lẻ
7	000738	0901020335	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	04/11/2003	KD9N	18	360	3.2	1	Hà	chấn
8	000739	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hào	26/09/2003	KD9N	18	361	4.5	1	Hào	lẻ
9	000740	0901020142	Lê Thị Thúy	Hiền	13/02/2003	KD9N	18	362	3.2	1	Hiền	chấn
10	000741	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD9N	18	363	5.5	1	Hiếu	chấn
11	000742	0901020411	Hoàng Thị	Huệ	05/04/2003	KD9N	18	364	1.5	1	Huệ	chấn
12	000743	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	18	365	2.7	1	Hương	lẻ
13	000744	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	18	366	4.5	1	Huyền	chấn
14	000745	0901020750	Lê Thị Hương	Lan	21/04/2003	KD9N	18	367	2.2	1	Lan	lẻ
15	000746	0901010327	Nguyễn Thị	Liên	06/11/2003	KD9N	18					HP,ĐK
16	000747	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	18	368	8.8	1	Linh	lẻ
17	000748	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	18	369	6.3	1	Luyến	chấn
18	000749	0901020192	Đỗ Ngọc	Mai	21/10/2003	KD9N	18	370	4.4	1	Mai	lẻ
19	000750	0901020701	Trịnh Thị Ngọc	Minh	19/11/2003	KD9N	18	371	2.2	1	Minh	chấn
20	000751	0901030225	Đinh Thị	Mỹ	01/07/2003	KD9N	18	372	3.9	1	Mỹ	lẻ
21	000752	0901030226	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	01/04/2003	KD9N	18	373	2.1	1	Nga	chấn
22	000753	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N	18	374	4.5	1	Ngọc	lẻ
23	000754	0901020170	Đào Hồng	Nhung	12/01/2003	KD9N	18	375	1.2	1	Nhung	chấn
24	000755	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	18	376	4.5	1	Oanh	lẻ
25	000756	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	18	377	2.7	1	Phúc	chấn
26	000757	0901020209	Vương Thị	Phương	18/10/2003	KD9N	18	378	8.8	1	Phương	lẻ
27	000758	0901020830	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	02/09/2003	KD9N	18	379	1.2	1	Quỳnh	chấn
28	000759	0901020641	Đặng Thị	Thanh	16/02/2003	KD9N	18	380	7.0	1	Thanh	lẻ
29	000760	0901020979	Chu Phương	Thảo	20/06/2003	KD9N	18	381	1.7	1	Thảo	chấn
30	000761	0901030074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/2003	KD9N	18	382	1.2	1	Thảo	lẻ
31	000762	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD9N	18	383	1.5	1	Thảo	chấn
32	000763	0901020367	Nguyễn Thị	Thơ	30/09/2003	KD9N	18	384	1.1	1	Thơ	lẻ
33	000764	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	18	385	2.2	1	Thơ	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:....32..

Tổng số tờ giấy thi:.....32

Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 25 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trịnh Thị Hồng Thắm

Nguyễn Phương Hằng



450 - 480

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000765	0901020645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/05/2003	KD9N	18	450	7,8	01	Thương	
2	000766	0901020315	Hoàng Thị Thùy	Tiên	27/10/2002	KD9N	18	454	4,5	01	Tiên	
3	000767	0901020494	Hoàng Thanh	Trà	02/07/2003	KD9N	18	452	8,7	01	Trà	
4	000768	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	18	453	2,7	01	Trang	
5	000769	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	18	454	3,7	01	Trang	
6	000770	0901020030	Nguyễn Thùy	Trang	17/12/2003	KD9N	18	455	4,5	01	Trang	
7	000771	0901020933	Bành Thanh	Tú	18/02/2003	KD9N	18	456	1,4	01	Tú	
8	000772	0901020591	Hoàng Hải	Vân	04/09/2003	KD9N	18	457	5,0	01	Vân	
9	000773	0901030243	Lê Hồng	Vân	13/09/2003	KD9N	18	458	3,5	01	Vân	
10	000774	0901020705	Nguyễn Hải	Yến	08/12/2003	KD9N	18	459	4,7	01	Yến	
11	000775	0901080639	Bùi Lan	Anh	15/07/2003	TM9A	19	460	5,0	01	Anh	
12	000776	0901080648	Mai Yến	Anh	11/06/2003	TM9A	19	461	4,6	01	Anh	
13	000777	0901080222	Nguyễn Hoàng	Anh	01/05/2003	TM9A	19					HP,DK
14	000778	0901020812	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/09/2003	TM9A	19	462	3,9	01	Anh	
15	000779	0901080709	Phạm Thị Vân	Anh	25/05/2003	TM9A	19	463	7,1	01	Anh	
16	000780	0901080876	Phùng Nguyễn Tú	Anh	27/09/2003	TM9A	19	464	6,0	01	Anh	
17	000781	0901080534	Công Phương Uyên	Chi	22/06/2003	TM9A	19	465	6,4	01	Chi	
18	000782	0901080356	Đỗ Thị	Chinh	08/02/2003	TM9A	19	466	4,0	01	Chinh	
19	000783	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	19	467	3,9	01	Cường	
20	000784	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	19	468	3,7	01	Đức	
21	000785	0901080444	Ngô Thị	Dương	22/09/2003	TM9A	19	469	8,3	01	Dương	
22	000786	0901080373	Nguyễn Ánh	Dương	19/08/2003	TM9A	19	470	3,7	01	Ánh	
23	000787	0901080856	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/12/2003	TM9A	19	471	4,2	01	Thu	
24	000788	0901080517	Đào Thu	Hào	10/06/2003	TM9A	19	472	3,5	01	Hào	
25	000789	0901080612	Dương Thị Thúy	Hiền	28/10/2003	TM9A	19	473	2,5	01	Hiền	
26	000790	0901080343	Nguyễn Thị Phú	Hoa	13/11/2003	TM9A	19	474	3,0	01	Hoa	
27	000791	0901080948	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/07/2003	TM9A	19	475	5,0	01	Hoa	
28	000792	0901080956	Vũ Thị	Hoa	12/04/2002	TM9A	19	476	6,2	01	Hoa	
29	000793	0901080953	Trần Thị Bích	Huyền	13/12/2002	TM9A	19	477	4,7	01	Huyền	
30	000794	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	19	478	6,2	01	Hoàng	
31	000795	0901080262	Bùi Quang	Linh	21/03/2003	TM9A	19	479	0,6	01	Quang	
32	000796	0901010204	Phạm Hồng Phi	Long	13/09/2003	TM9A	19					HP,DK
33	000797	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM9A	19	480	0,6	01	Đức	

Tổng số sinh viên dự thi: ...31...

Tổng số tờ giấy thi: ...31...

Tổng số biên bản: ...2...

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Huyền

Dương Thị Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000798	0901080962	Phạm Thị Khánh	Ly	31/01/2003	TM9A	19					HP,ĐK
2	000799	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	19	322	3,8	01	My	Sẻ
3	000800	0901080439	Vũ Trà	My	21/01/2003	TM9A	19	323	4,2	01	My	chấn
4	000801	0901080283	Nguyễn Thanh	Nam	10/04/2003	TM9A	19	324	3,5	01	Thanh	le
5	000802	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	19	325	1,2	01	Ngọc	chấn
6	000803	0901080820	Trần Thu	Nguyệt	18/12/2003	TM9A	19	326	2,9	01	Nguyệt	le
7	000804	0901080969	Phạm Thanh	Nhàn	01/01/2003	TM9A	19	327	6,3	01	Thanh	chấn
8	000805	0901080091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	TM9A	19	328	4,5	01	Hồng	le
9	000806	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	19	329	1,4	01	Nhung	chấn
10	000807	0901080867	Trần Thị Mai	Phuong	29/08/2003	TM9A	19	330	6,5	01	Mai	le
11	000808	0901080175	Đào Nguyễn Hồng	Quân	04/12/2003	TM9A	19	331	5,5	01	Quân	chấn
12	000809	0901080841	Tòng Văn	Quốc	14/08/2003	TM9A	19	332	4,5	01	Quốc	le
13	000810	0901080555	Đặng Phương	Thảo	25/01/2003	TM9A	19	333	2,1	01	Phương	chấn
14	000811	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	19	334	3,5	01	Phương	le
15	000812	0901080970	Nguyễn Mạnh	Thiện	27/06/1993	TM9A	19	335	3,6	01	Mạnh	chấn
16	000813	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	19	336	6,3	01	Thu	le
17	000814	0901080442	Vũ Thị	Trà	14/12/2003	TM9A	19	337	6,9	01	Trà	chấn
18	000815	0901030461	Đặng Thị	Trang	11/06/2003	TM9A	19	338	8,2	01	Trang	le
19	000816	0901080450	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/05/2003	TM9A	19	339	2,1	01	Huyền	chấn
20	000817	0901080509	Nguyễn Thị Hồng	Trang	13/01/2003	TM9A	19	340	6,5	01	Hồng	le
21	000818	0901080431	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/08/2003	TM9A	19	341	4,7	01	Thùy	chấn
22	000819	0901080216	Lê Quang	Trường	25/08/2003	TM9A	19	342	4,5	01	Quang	le
23	000820	0901080010	Lê Thị	Tuyền	18/08/2003	TM9A	19	343	2,2	01	Tuyền	chấn
24	000821	0901080604	Đôi Thị	Vân	07/02/2003	TM9A	19	344	3,7	01	Vân	le
25	000822	0901080632	Phan Hà	Vy	23/09/2003	TM9A	19	345	3,7	02	Vy	chấn
26	000823	0901080889	Nguyễn Hải	Yến	15/09/2003	TM9A	19	346	8,4	01	Yến	le
27	000824	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	19	347	2,5	01	Hồng	chấn
28	000825	0610210171	Hoàng Xuân	Huy	11-11-2000	KD6B	20	348	1,2	01	Huy	HP đã nộp
29	000826	0901070539	Bùi Thị Phương	Dung	30/06/2003	KL9A	20	349	9,5	1	Dung	chấn
30	000827	0901070650	Vũ Thị Thu	Hiền	01/12/2003	KL9A	20	350	9,4	1	Thu	le
31	000828	0901070462	Lê Hoàng	Linh	18/12/2003	KL9A	20	351	7,9	1	Linh	chấn
32	000829	0901070938	Trần Thế	Son	21/01/2003	KL9A	20	352	9,5	1	Son	le
33	000830	0410310594	Bùi Trọng	Bình	18-12-1996	QT4A	20					HP
34	000831	0610310649	Đỗ Đức	Nhân	06-07-2000	QT7A	20	353	5,0	01	Nhân	le
35	000832	0710310203	Vũ Đức	Chính	22/11/2001	QT7B	20					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 32 (32)

Tổng số tờ giấy thi: 38 (38)

Tổng số biên bản: 0

Ngày 23 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hồng Hoa

Nguyễn Thị Thùy Linh